

Số: 864/QĐ-UBND

Quảng Ninh, ngày 27 tháng 3 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố kết quả xếp hạng Chỉ số cải cách hành chính của các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố; cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh và các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc UBND tỉnh Quảng Ninh năm 2023

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Quyết định số 3322/QĐ-UBND ngày 01/10/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về ban hành Chương trình cải cách hành chính tỉnh Quảng Ninh giai đoạn 2021-2030;

Căn cứ Quyết định số 2580/QĐ-UBND ngày 20/9/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quy định xác định Chỉ số cải cách hành chính của các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố; cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh và đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc UBND tỉnh;

Căn cứ Kế hoạch số 257/KH-UBND ngày 12/10/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc triển khai xác định Chỉ số cải cách hành chính của các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố; cơ quan trung ương đóng trên địa bàn tỉnh và đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc UBND tỉnh năm 2023;

Theo đề nghị của Sở Nội vụ tại Tờ trình số 75/TTr-SNV ngày 26/3/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kết quả xếp hạng Chỉ số cải cách hành chính của các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh và các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc UBND tỉnh Quảng Ninh năm 2023 (có phụ lục kèm theo).

Điều 2. Căn cứ kết quả xếp hạng Chỉ số cải cách hành chính năm 2023, Thủ trưởng các sở, ban, ngành, cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh, đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc UBND tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố tổ chức triển khai các giải pháp nâng cao hiệu quả cải cách hành chính trong các năm tiếp theo.

Điều 3. Giao Giám đốc Sở Nội vụ chủ trì, theo dõi kết quả triển khai các giải pháp nâng cao hiệu quả cải cách hành chính tại các cơ quan, đơn vị, địa phương trên địa bàn tỉnh.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Thủ trưởng các sở, ban, ngành, cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh, đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc UBND tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Bộ Nội vụ;
- TT Tỉnh ủy; TT HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- V0, V1-3, KSTT1-4;
- Trung tâm Thông tin;
- Lưu: VT, KSTT1,

QĐ CCHC8

CHỦ TỊCH



Cao Tường Huy

PHỤ LỤC

KẾT QUẢ XẾP HẠNG CHỈ SỐ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH NĂM 2023

(Kèm theo Quyết định số: 864/QĐ-UBND ngày 27/3/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh)

1. Các sở, ban, ngành

TT	Tên đơn vị	Điểm thẩm định (61 điểm)	Điểm điều tra xã hội học (39 điểm)	Chỉ số CCHC năm 2023 (100 điểm)	Xếp hạng
1	Sở Lao động, Thương binh và Xã hội	54,61	37,40	92,01	Xuất sắc
2	Sở Nội vụ	56,24	35,68	91,92	Xuất sắc
3	Sở Khoa học và Công nghệ	55,12	36,63	91,75	Xuất sắc
4	Sở Ngoại vụ	54,26	36,07	90,33	Xuất sắc
5	Thanh tra tỉnh	54,04	36,17	90,21	Xuất sắc
6	Sở Tư pháp	52,38	37,69	90,07	Xuất sắc
7	Sở Tài chính	53,70	36,32	90,02	Xuất sắc
8	Sở Y tế	53,68	36,04	89,72	Tốt
9	Sở Giáo dục và Đào tạo	53,20	36,06	89,26	Tốt
10	Sở Thông tin và Truyền thông	52,33	36,67	89,00	Tốt
11	Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn	51,38	36,47	87,85	Tốt
12	Sở Xây dựng	50,61	36,84	87,45	Tốt
13	Sở Giao thông vận tải	49,95	36,96	86,91	Tốt
14	Sở Công Thương	51,26	35,21	86,47	Tốt
15	Ban Quản lý Khu kinh tế	50,93	35,24	86,17	Tốt
16	Sở Kế hoạch và Đầu tư	48,23	37,21	85,44	Tốt
17	Sở Văn hoá và Thể thao	52,40	32,93	85,33	Tốt
18	Ban Dân tộc tỉnh	49,71	35,56	85,27	Tốt
19	Sở Du lịch	42,40	34,94	77,34	Khá
20	Sở Tài nguyên và Môi trường	40,68	33,30	73,98	Khá

2. Các huyện, thị xã, thành phố

TT	Tên đơn vị	Điểm thẩm định (61 điểm)	Điểm điều tra xã hội học (39 điểm)	Chỉ số CCHC năm 2023 (100 điểm)	Xếp hạng
1	Thành phố Hạ Long	54,42	37,45	91,87	Xuất sắc
2	Thành phố Uông Bí	56,88	34,27	91,15	Xuất sắc
3	Huyện Vân Đồn	53,18	36,91	90,09	Xuất sắc
4	Thị xã Đông Triều	54,08	33,80	87,88	Tốt
5	Huyện Tiên Yên	51,65	35,80	87,45	Tốt
6	Huyện Cô Tô	51,46	35,78	87,24	Tốt
7	Huyện Hải Hà	50,55	36,44	86,99	Tốt
8	Thành phố Cẩm Phả	51,21	35,77	86,98	Tốt
9	Huyện Ba Chẽ	51,10	35,69	86,79	Tốt
10	Huyện Bình Liêu	50,41	36,25	86,66	Tốt
11	Huyện Đầm Hà	49,88	35,82	85,70	Tốt
12	Thành phố Móng Cái	49,94	34,84	84,78	Tốt
13	Thị xã Quảng Yên	44,11	35,43	79,54	Khá

3. Cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh

TT	Tên đơn vị	Điểm thẩm định (60 điểm)	Điểm điều tra xã hội học (40 điểm)	Chỉ số CCHC năm 2023 (100 điểm)	Xếp hạng
1	Kho bạc Nhà nước tỉnh	58,94	39,16	98,10	Xuất sắc
2	Cục Thuế tỉnh	57,50	38,11	95,61	Xuất sắc
3	Bảo hiểm xã hội tỉnh	55,35	39,17	94,52	Xuất sắc
4	Ngân hàng Nhà nước tỉnh	56,65	37,08	93,73	Xuất sắc
5	Cục Hải quan tỉnh	56,99	35,84	92,83	Xuất sắc
6	Công an tỉnh	52,20	36,00	88,20	Tốt
7	Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh	49,50	32,08	81,58	Tốt
8	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh	39,75	38,66	78,41	Khá

4. Các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc UBND tỉnh

TT	Tên đơn vị	Điểm thẩm định (60 điểm)	Điểm điều tra xã hội học (40 điểm)	Chi số CCHC năm 2023 (100 điểm)	Xếp hạng
1	Ban Quản lý Vịnh Hạ Long	52,21	34,25	86,46	Tốt
2	Ban Quản lý Vườn quốc gia Bái Tử Long	48,12	33,34	81,46	Tốt
3	Bệnh viện Việt Nam - Thụy Điển Uông Bí	47,00	34,01	81,01	Tốt
4	Trường Đại học Hạ Long	47,69	32,77	80,46	Tốt
5	Trường Cao đẳng Y tế	45,90	31,86	77,76	Khá
6	Ban QLDA ĐTXD các công trình giao thông tỉnh	43,25	34,17	77,42	Khá
7	Ban QLDA ĐTXD các công trình nông nghiệp và Phát triển nông thôn	37,00	33,18	70,18	Khá
8	Ban Xúc tiến và Hỗ trợ đầu tư	35,96	33,70	69,66	Trung bình
9	Ban QLDA ĐTXD các công trình dân dụng và công nghiệp	34,48	29,66	64,14	Trung bình
10	Trường Cao đẳng Việt – Hàn Quảng Ninh.	31,10	32,53	63,63	Trung bình